

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 3 năm 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tiến Dũng, ông Trần Hữu Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Ksor Y Kon - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đặng Tuấn A trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, chửi bới, đánh đập lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đặng Nguyễn Gia B, còn giao cháu Đặng Nguyễn Bảo N cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.000.000đ/tháng. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Đặng Tuấn A là vợ chồng (Đăng ký kết hôn năm 2007). Anh chị có hai con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị có nhiều lần mâu thuẫn với

nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh A ngoại tình, đánh đập chị dẫn đến anh chị không còn sống chung và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh A khởi kiện ly hôn, thì chị đồng ý. Sau khi ly hôn, chị đồng ý nuôi dưỡng cháu Bảo N, còn anh A nuôi dưỡng cháu Gia B. Chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đ/tháng, thì chị đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Tòa án thông báo cho chị nộp tạm ứng án phí, nhưng do chị không có tiền nộp, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, cháu Đặng Nguyễn Bảo N trình bày :

Sau khi ba mẹ cháu ly hôn, thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại Trích lục kết hôn số 783/TLKH - BS ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thể hiện nội dung tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 và anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1979 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 19 tháng 6 năm 2007.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Anh A và chị H chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều: 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh A và chị H, cho anh A ly hôn với chị H; Giao cháu Đặng Nguyễn Gia B cho anh A, còn giao cháu Đặng Nguyễn Bảo N cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Nguyễn Bảo N mức 3.000.000đ/tháng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H về việc phân chia tài sản chung, thì thấy rằng chị H không nộp tiền tạm ứng án phí, do vậy không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Anh A và chị H là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung. Hiện nay, anh chị có nhiều mâu thuẫn, không còn sống chung và quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật

ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Anh A khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Chị H có hộ khẩu thường trú ở huyện , tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

[3.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Tuấn A về việc ly hôn, con chung, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh A và chị H phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại giữa anh A và chị H. Tại phiên tòa, anh A và chị H thuận tình ly hôn, cho nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A với chị H và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho anh A ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Anh A và chị H có 02 con chung là cháu Đặng Nguyễn Gia B, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2008 và cháu Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2012. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận anh A nuôi cháu Gia B, chị H nuôi cháu Bảo N. Cháu Bảo N đồng ý ở với mẹ. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự và không trái với pháp luật, đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận ý kiến của anh A, chị H và chấp nhận quan điểm đại diện Viện kiểm sát. Giao cháu Gia B cho anh A, còn giao cháu Bảo N cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bảo N mức 3.000.000đ/tháng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Gia B. Chị H đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận đó không trái với pháp luật, đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện trên và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bảo N với mức 3.000.000đ/tháng.

[3.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc phân chia tài sản chung, thì HĐXX xét thấy sau khi nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và cho đến nay chị H vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí, cho nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí:

+ Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Anh A) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

+ Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quyết định của Tòa án vì vậy anh A phải chịu 300.000đ án phí dân sự không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 211; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Tuấn A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Đặng Tuấn A với chị Nguyễn Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đặng Tuấn A ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Giao con chung (Đặng Nguyễn Gia B, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2008) cho anh Đặng Tuấn A, còn giao con chung (Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2012) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh Đặng Tuấn A và chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh A và chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh A và chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của các bên.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị H để nuôi con chung (Cháu Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2012) với mức 3.000.000đ/tháng, kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu Đặng Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Anh Đặng Tuấn A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quyết định của Tòa án. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện E theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 0011871 ngày 18 tháng 12 năm 2023. Anh Đặng Tuấn A còn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Anh Đặng Tuấn A và chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đang sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG